TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST Ngày: 19 – 8 – 2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hồng Long, Ông Trần Doãn Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị G, sinh năm 2000.

Địa chỉ: TDP3, thị trấn KN, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Nay là TDP3, xã A S, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Đức Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: TDP3, thị trấn KN, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Nay là TDP3, xã A S, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Xuân Hà– Cục C10 – Bộ Công An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 15/02/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày: giữa chị và bị đơn anh Bùi Đức Đ kết hôn với nhau vào ngày 16/5/2018 tại UBND xã Bình Sơn, huyện

Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, nay là xã Thành Bình Thọ, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau, anh Đ thường xuyên đánh đập chị. Nguyên nhân do anh Đ sa vào con đường nghiện ma túy, ham chơi đua đòi, không quan tâm chăm sóc vợ con. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy mà từ tháng 5/2022 cho đến nay vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đức Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung tên là Bùi Đức Ng, sinh ngày 29/3/2019 và Bùi Đức A, sinh ngày 17/11/2021. Hiện nay hai con đang sống với chị, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị thỏa thuận tự chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng chị không vay nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Đức Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị G về thời gian, điều kiện, nơi đăng kí kết hôn, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân đúng như chị G đã trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 4 năm cho đến khi anh vi phạm pháp luật thì phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy mà hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Anh thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên chị G yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung như chị G đã trình bày. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cả hai con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh vì hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con được.

- Về tài sản chung: Anh và chị Lê Thị G thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng anh không vay nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị G, buộc chị Lê Thị G và anh Bùi Đức Đ chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; Về con: giao con chung Bùi Đức Ng và Bùi Đức A cho chị Lê Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyên, cháu An trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Đức Đ; Về tài sản: chị G và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về án phí: buộc chị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn: bị đơn hiện cư trú tại TDP3, xã A S, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn hiện đang chấp hành án tại trại giam Xuân Hà – Cục C10 – Bộ Công An nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác của Tòa án cho anh Đ theo quy định của pháp luật mà không thể triệu tập anh Đ đến Tòa án được, hơn nữa anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND thị trấn KN, nay là xã A S là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chị Lê Thị G và anh Bùi Đức Đ đăng ký kết hôn ngày 21/6/2019 tại UBND xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, nay là xã Thành

Bình Thọ, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, Theo chị G, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ sa vào con đường nghiện ma túy, ham chơi đua đòi, không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh Đ cho rằng, nguyên nhân chủ yếu do anh nghiện ma túy, vi phạm pháp luật. Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy mà hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị G và anh Đ đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị G và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị G được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị G và anh Đ có hai người con chung là Bùi Đức Ng, sinh ngày 29/3/2019 và Bùi Đức A, sinh ngày 17/11/2021. Quá trình giải quyết vụ kiện chị G và anh Đ đều thống nhất giao các con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ. Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung và thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Lê Thị G được ly hôn anh Bùi Đức Đ.

- Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giao con chung Bùi Đức Ng, sinh ngày 29/3/2019 và Bùi Đức A, sinh ngày 17/11/2021 cho

chị Lê Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyên, cháu An tròn 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Đức Đ do chị Lê Thị G không yêu cầu.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

Chị G cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Nghệ An) theo biên lai thu tiền số 0008070 ngày 16 tháng 4 năm 2025.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 9;*
- *Phòng THADS H khu vực 9;*
- *UBND xã A S;*
- *Lưu Hồ sơ, VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Hồng Lợi

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H. Anh Sơn;*
- *Chi cục THADS H. Anh Sơn;*
- *UBND xã Hoa Sơn;*
- *Lưu Hồ sơ, VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Hồng Lợi